TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 180/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Phụng; Bà Võ Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: Ông Mai Hùng Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1993; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến L trình bày: Qua tìm hiểu khoảng hơn một năm, chị và anh Nguyễn Văn D tiến đến hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh D cờ bạc rồi gây nợ, chị đã khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 26/12/2014. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị L, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Yến L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh D; Về con chung chị L được quyền tiếp tục nuôi con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì chị L chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Yến L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Yến L tiến đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị L và anh D sống chung từ năm 2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh D cờ bạc rồi gây nợ, chị đã khuyên can nhưng anh D vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, anh D đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị L, nhưng anh D không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh D đối với chị L đã

không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016. Xét thấy hôn nhân của chị L và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L xin ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh D và chị L có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 26/12/2014.

Xét thấy, từ khi sinh ra cho đến nay con chung đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên về mặt tình cảm, cháu A sẽ gắn bó với mẹ nhiều hơn. Anh D vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện thì việc giao cháu A cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại, nên yêu cầu của chị L về việc nuôi dưỡng con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị L là người trực tiếp nuôi con, nhưng không yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Chị L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh D và chị L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Yến L phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến L được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Yến L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như A, sinh ngày 26/12/2014. Anh Nguyễn Văn D chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Yến L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0019323 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị L đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND xã B, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều